

**Nhân danh Allah, Đấng
Độ Lượng, Đấng Khoan
Dung. Những Lời Tụng
Niệm Sáng Chiêu.**

شركاء التنفيذ:



المحتوى الإسلامي



رواد الترجمة



جمعية الربوة



دار الإسلام

يتاح طباعة هذا الإصدار ونشره بأي وسيلة مع
الالتزام بالإشارة إلى المصدر وعدم التغيير في النص.



Telephone: +966114454900



ceo@rabwah.sa



P.O.BOX: 29465



RIYADH: 11557



www.islamhouse.com

﴿الْم ۝۱﴾ ذَٰلِكَ الْكِتَابُ لَا رَيْبَ فِيهِ هُدًى لِّلْمُتَّقِينَ ﴿۲﴾ الَّذِينَ يُؤْمِنُونَ
 بِالْغَيْبِ وَيُقِيمُونَ الصَّلَاةَ وَمِمَّا رَزَقْنَاهُمْ يُنفِقُونَ ﴿۳﴾ وَالَّذِينَ يُؤْمِنُونَ بِمَا أُنزِلَ
 إِلَيْكَ وَمَا أُنزِلَ مِن قَبْلِكَ وَبِالْآخِرَةِ هُمْ يُوقِنُونَ ﴿۴﴾ أُولَٰئِكَ عَلَىٰ هُدًى مِّن
 رَبِّهِمْ وَأُولَٰئِكَ هُمُ الْمُفْلِحُونَ ﴿۵﴾ [البقرة: 1-5]

Alif Lam Mim

Zda li kal ki tā bu la roi ba fi hi hu đal lil mut ta
 q.ĩ.n (Đây là Kinh Sách mà trong đó không có gì
 phải nghi ngờ, một nguồn hướng dẫn dành cho
 những người ngoan đạo.) Al la zdi na du' mi nu
 na bil ghoi bi wa du qĩ mũ nos so la ta wa mim ma
 ro zaq nã hum dum fi q.ũ.n (Những người mà họ
 có đức tin vào điều vô hình, duy trì lễ nguyện
 Salah và chi dùng bổng lộc đã được TA ban cấp
 (cho con đường chính nghĩa của TA).) Wal la zdi

na du' mi nũ na bi ma un zi la i lây ka wa ma un zi
 la min qab li ka wa bil a khi ro ti hum du qi n.ũ.n
 (Những người mà họ có đức tin vào những điều
 đã được thiên khải cho Người (Muhammad), cho
 các vị Thiên Sứ trước Người và có niềm tin kiên
 định vào Đờì Sau.) U la i ka 'a la hu ðâm mir rab
 bi him wa u la i ka hu mul muf li h.ũ.n (Đây là
 nhóm người theo đúng chỉ đạo của Thượng Đế
 của họ và đó là nhóm người thành đạt.) (chương
 2 - Al-Baqarah: 1 - 5).

﴿اللَّهُ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْحَيُّ الْقَيُّومُ لَا تَأْخُذُهُ سِنَّةٌ وَلَا نَوْمٌ لَهُ مَا فِي
 السَّمَوَاتِ وَمَا فِي الْأَرْضِ مَنْ ذَا الَّذِي يَشْفَعُ عِنْدَهُ إِلَّا بِإِذْنِهِ يَعْلَمُ مَا بَيْنَ
 أَيْدِيهِمْ وَمَا خَلْفَهُمْ وَلَا يُحِيطُونَ بِشَيْءٍ مِّنْ عِلْمِهِ إِلَّا بِمَا شَاءَ وَسِعَ كُرْسِيُّهُ
 السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضَ وَلَا يَئُودُهُ حِفْظُهُمَا وَهُوَ الْعَلِيُّ الْعَظِيمُ﴾ [البقرة: 255]

Ol lo hu la i la il la hu wal hây dul qoi duôm, la ta' khu zdu hu si na tu wa la nâum, la hu ma fis sa ma wa ti wa ma fil ard, man zdal la zdi dash fa u in đă hu il la bi izd ni hi, da' la mu ma bây na ây đi him wa ma khol fa hum, wa la du hi tu na bi shây im min il mi hi il la mi ma sha', wa si a kur si du hus sa ma wa ti wal ard, wa la da u đư hu hif zhu hu ma wa hu wal a li dul a zh.ĩ.m. (Allah (là Thượng Đế), không có Thượng Đế (đích thực) nào ngoài Ngài, Đấng Hằng Sống, Đấng Bất Diệt, Ngài không ngủ và cũng không buồn ngủ. Tất cả vạn vật trong các tầng trời và tất cả vạn vật trong trái đất đều thuộc về Ngài. Không ai có quyền can thiệp (biện minh, cầu xin ân xá cho ai) trước Ngài

trừ phi Ngài cho phép. Ngài biết hết mọi điều xảy ra phía trước họ và đằng sau họ, không một ai đủ năng lực biết được kiến thức của Ngài ngoại trừ điều nào Ngài muốn cho y biết. Kursi (Bệ gác chân) của Ngài bao trùm hết cả các tầng trời và trái đất, và việc quản lý trời đất không làm Ngài mệt mỏi bởi Ngài là Đấng Tối Thượng, Đấng Vĩ Đại.) (chương 2 - Al-Baqarah: 255, được gọi là Ayah Kursi)

﴿ءَامَنَ الرَّسُولُ بِمَا أُنزِلَ إِلَيْهِ مِنْ رَبِّهِ ۚ وَالْمُؤْمِنُونَ كُلُّ ءَامَنَ بِاللَّهِ
 وَمَلَائِكَتِهِ وَكُتُبِهِ ۖ وَرُسُلِهِ ۚ لَا نُفَرِّقُ بَيْنَ أَحَدٍ مِّنْ رُّسُلِهِ ۚ وَقَالُوا سَمِعْنَا
 وَأَطَعْنَا ۗ غُفْرَانَكَ رَبَّنَا وَإِلَيْكَ الْمَصِيرُ ﴿٢٨٥﴾ لَا يُكَلِّفُ اللَّهُ نَفْسًا إِلَّا وُسْعَهَا ۚ لَهَا مَا
 كَسَبَتْ وَعَلَيْهَا مَا أُكْتَسَبَتْ ۗ رَبَّنَا لَا تُؤَاخِذْنَا إِنْ نَسِينَا أَوْ أَخْطَأْنَا ۗ رَبَّنَا وَلَا
 تَحْمِلْ عَلَيْنَا إِصْرًا ۖ كَمَا حَمَلْتَهُ عَلَى الَّذِينَ مِنْ قَبْلِنَا ۗ رَبَّنَا وَلَا تُحَمِّلْنَا مَا لَا
 طَاقَةَ لَنَا بِهِ ۗ وَاعْفُ عَنَّا وَارْحَمْنَا ۗ أَنْتَ مَوْلَانَا فَانصُرْنَا عَلَى الْقَوْمِ
 الْكَافِرِينَ ﴿٢٨٦﴾﴾ [البقرة: 285-286]

A ma nar ro su lu bi ma un zi la i lây hi mir rab bi
 hi wal mu' mi nu-n. Kul lun a ma na bil la hi wa la i
 ka ti hi wa ku tu bi hi wa ro su li hi, la nu far ri qu
 bây na a ha đin min ru su li hi, wa qo lu sa mi' na
 wa a to' na, ghuf ro na ka rab ba na wa i lây kal
 ma s.ĩ.r (Thiên Sứ (Muhammad) và những người
 có đức tin đều tin vào những điều được mặc khải

xuống cho Y từ Thượng Đế của Y. Tất cả họ đều có đức tin nơi Allah, nơi các Thiên Thần của Ngài, nơi các Kinh Sách của Ngài, và nơi các vị Thiên Sứ của Ngài. Họ cùng nói câu: “Bầy tôi không phân biệt giữa các vị Thiên Sứ của Ngài, bầy tôi xin nghe và phục tùng mệnh lệnh. Xin Ngài hãy tha thứ tội lỗi cho bầy tôi hỡi Thượng Đế của bầy tôi, và bầy tôi chắc chắn phải quay trở về trình diện Ngài.”)

La du kal li ful lo hu naf san il la wus a h, la ha ma ka sa bat wa a lây ha mak ta sa bat, rab ba na la tu a khizd na in na si na âu akh to' na, rab ba na wa la tah mil a lây na is ron ka ma ha mal ta hu a lal la zdi mi qab li na, rab ba na wa la tu ham mil

na ma la to qo ta la na bi, wa' fu an na, wagh fir la na, war ham na, an ta mâu la na, fan sur na a lal qâu mil ka fi r.ĩ.n (Allah không bắt một linh hồn nào gánh vác trách nhiệm quá khả năng của nó. Mỗi linh hồn sẽ hưởng được thành quả của điều tốt mà mình đã làm và sẽ phải gánh hậu quả về tội lỗi đã phạm. (Người có đức tin cần cầu nguyện Allah): “Lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng bắt tội bầy tôi nếu bầy tôi quên hay sai sót; lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng bắt bầy tôi gánh vác nặng nề giống như Ngài đã đặt gánh nặng lên những người trước bầy tôi; lạy Thượng Đế của bầy tôi, xin Ngài đừng bắt bầy tôi gánh lấy những gì vượt quá khả năng của bầy tôi, xin Ngài

hãy lượng thứ cho bầy tôi, tha thứ tội lỗi cho bầy tôi và thương xót bầy tôi, Ngài là Đấng Bảo Hộ của bầy tôi, xin Ngài phù hộ bầy tôi giành chiến thắng trước những kẻ vô đức tin.”) (chương 2 - Al-Baqarah: 285, 286).

﴿حَمِّمَ ۝ تَنْزِيلُ الْكِتَابِ مِنَ اللَّهِ الْعَزِيزِ الْعَلِيمِ ۝ غَافِرِ الذَّنْبِ وَقَابِلِ
التَّوْبِ شَدِيدِ الْعِقَابِ ذِي الطُّوْلِ ۗ لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ ۗ إِلَيْهِ الْمَصِيرُ ۝﴾ [غافر: 1-3]

Ha mim

Tan zi lul ki ta bi mi nol lo hil a zi zil a l.ĩ.m.
(Kinh (Qur'an) được ban xuống từ nơi Allah, Đấng Toàn Năng, Đấng Toàn Tri.) Gho fi riz zu nu bi wa qo bi lit tâu bi sha đi ãil i qo bi zdit tâu li, la i la ha il la hu, i lây hil ma s.ĩ.r (Đấng tha thứ tội lỗi và chấp nhận sự sám hối, Đấng nghiêm khắc trong việc

trùng phạt, Đấng hồng phúc và tử tế, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Tất cả đều phải trở về trình diện Ngài (vào Ngày Phán Xét.) (chương 40 - Ghafir: 1 - 3).

﴿هُوَ اللَّهُ الَّذِي لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ عَلِيمٌ الْغَيْبِ وَالشَّهَادَةِ هُوَ الرَّحْمَنُ الرَّحِيمُ﴾ ﴿٢٢﴾ هُوَ اللَّهُ الَّذِي لَا إِلَهَ إِلَّا هُوَ الْمَلِكُ الْقُدُّوسُ السَّلَامُ الْمُؤْمِنُ الْمُهَيْمِنُ الْعَزِيزُ الْجَبَّارُ الْمُتَكَبِّرُ سُبْحَانَ اللَّهِ عَمَّا يُشْرِكُونَ ﴿٢٣﴾ هُوَ اللَّهُ الْخَلِيقُ الْبَارِئُ الْمُصَوِّرُ لَهُ الْأَسْمَاءُ الْحُسْنَىٰ يُسَبِّحُ لَهُ فِي السَّمَوَاتِ وَالْأَرْضِ وَهُوَ الْعَزِيزُ الْحَكِيمُ ﴿٢٤﴾ [الحشر: 22-24]

Hu wol lo hul la zdi la i la ha il la hu, a li mul ghoi bi wash sha ha đah, hu war roh ma nur ro h.ĩ.m (Ngài là Allah, Đấng mà không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài, Ngài là Đấng

biết điều vô hình và hữu hình, Ngài là Đấng Độ
Lượng, Đấng Nhân Từ.)

Hu wol lo hul la zdi la i la ha il la hu wal ma li kul
quđ đu sus sa lam, al mu' mi nul mu hây mi nul a
zi zul jab ba rul mu ta kab bir, sub ha nol la hi âm
ma dush ri k.ũ.n (Ngài là Allah, không có Thượng
Đế đích thực nào khác ngoài Ngài, Ngài là Đức
Vua, Đấng Linh Thiêng, Đấng Bằng An, Đấng ban
đức tin, Đấng ban sự an ninh, Đấng Quyền Năng,
Đấng không cưỡng lại được, Đấng Tự Hào. Allah
là Đấng Tối Cao vượt xa những gì (những kẻ đa
thần) qui cho Ngài.) Hu wol lo hul kho li qul ba ri ul
ma sâu wi ru la hul as ma ul hus na, du sâb bi hu
la hu ma fis sa ma wa ti wal ard, wa hu wal a zi

zul ha k.ĩ.m (Ngài là Allah, Đấng Tạo Hóa, Đấng Khởi Sự, Đấng Ban Hình Thể, Ngài có những tên gọi tốt đẹp nhất, mọi vật trong các tầng trời và trái đất đều tán dương tôn cao Ngài. Quả thật, Ngài là Đấng Chí Tôn, Đấng Thông Thái.) (chương 59 - Al-Hashr: 22 - 24).

﴿قُلْ هُوَ اللَّهُ أَحَدٌ ۝ اللَّهُ الصَّمَدُ ۝ لَمْ يَلِدْ وَلَمْ يُولَدْ ۝ وَلَمْ يَكُن لَّهُ

كُفُوًا أَحَدٌ ۝﴾ [الإخلاص: 4-1]

(Qul hu wol lo hu a hađ...) (Người (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Ngài là Allah Đấng Duy Nhất.") (chương 112 - Al-Ikhlās)

﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ الْفَلَقِ ۝ مِنْ شَرِّ مَا خَلَقَ ۝ وَمِنْ شَرِّ غَاسِقٍ إِذَا وَقَبَ ۝

وَمِنْ شَرِّ النَّفَّاثَاتِ فِي الْعُقَدِ ۝ وَمِنْ شَرِّ حَاسِدٍ إِذَا حَسَدَ ۝﴾ [الفلق: 5-1]

(Qul a u zdu bi rab bil fa laq...) (Người (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Bề tôi cầu xin Thượng Đế của bình minh che chở".) (chương 113 - Al-Falaq)

﴿قُلْ أَعُوذُ بِرَبِّ النَّاسِ ﴿١﴾ مَلِكِ النَّاسِ ﴿٢﴾ إِلَهِ النَّاسِ ﴿٣﴾ مِنْ شَرِّ الْوَسْوَاسِ الْخَنَّاسِ ﴿٤﴾ الَّذِي يُوَسْوِسُ فِي صُدُورِ النَّاسِ ﴿٥﴾ مِنَ الْغَيْبِ وَالنَّاسِ ﴿٦﴾﴾ [الناس: 1-6]

alayhi wa sal lâm- là Nabi). (Ba lần)(Qul a u zdu bi rab bin n.ã.s...) (Người (Thiên Sứ Muhammad) hãy nói: "Bề tôi cầu xin Thượng Đế của nhân loại che chở".) (chương 114 - An-Nas) Đọc toàn bộ chương, mỗi chương ba lần.

«أعوذ بكلمات الله التامات من شر ما خلق»

A u zdu bi ka li ma til la hit tam ma min shar ri ma kho laq. (Với những lời phán hoàn hảo của Allah, bề tôi cầu xin che chở khỏi những điều xấu mà Ngài đã tạo).

(Ba lần)

«بِسْمِ اللَّهِ الَّذِي لَا يَضُرُّ مَعَ اسْمِهِ شَيْءٌ فِي الْأَرْضِ وَلَا فِي السَّمَاءِ وَهُوَ

السَّمِيعُ الْعَلِيمُ»

Bis mi la hil la zdi la da đur ru ma a is mi hi shay un fil ar đĩ wa la fis sa ma', wa hu was sa mi ul a l.ĩ.m (Nhân danh Allah, Đấng mà với tên của Ngài không có bất thứ gì trong trời đất có thể gây hại, và Ngài là Đấng Hằng Nghe, Đấng Thông Toản.)

(Ba lần)

«رضيت بالله رباً وبالإسلام ديناً وبمحمد صلى الله عليه وسلم نبياً»

Ro đī tu bil la hi rab ba, wa bil is la ma đī na, wa bi mu ham ma đin so lol lo hu a lâ y hi wa sal lam na bi na. (Bề tôi hài lòng rằng Allah là Thượng Đế, Islam là tôn giáo và Muhammad -sol lol lo hu 'alayhi wa sal lâ m- là Nabi).

(Ba lần)

«أصبحنا وأصبح الملك لله والحمد لله لا إله إلا الله وحده لا شريك له، له الملك وله الحمد وهو على كل شيء قدير، رب أسألك خير ما في هذا اليوم وخير ما بعده، وأعوذ بك من شر ما في هذا اليوم ومن شر ما بعده، رب أعوذ بك من الكسل والهزم وسوء الكبر، وأعوذ بك من عذاب النار وعذاب القبر»

As bah na wa as ba hal mul ku li lah, wal ham đū lil lah, la i la ha il lol lo wah đā hu la sha ri ka lah, la hul

mul ku wa la hul ham đu wa hu wa a la kul li shây in
qo d.ĩ.r. Rab bi as a lu ka khoi ro ma fi ha zdal dâu mi
wa khoi ro ma ba' đâ hu. Wa a u zdu bi ka min shar ri
ma fi ha zdal dâu mi wa min shar ri ma ba' đâ hu. Rab
bi a u zdu bi ka mi nal kas li wal ha ra mi w su il ki ba
ri, wa a u zdu bi ka min a zda bin nar wa a zda bil qab
ri. (Bây tôi đang ở buổi sáng và mọi quyền hành của
buổi sáng đều thuộc về Allah, mọi lời ca ngợi và tán
dương kính dâng Allah, không có thượng đế đích
thực nào ngoài Allah, Ngài là Đấng duy nhất không
có đối tác, mọi vương quyền là của Ngài, mọi lời ca
ngợi đều xứng đáng dành cho Ngài, và Ngài toàn
năng trên tất cả mọi thứ. Lạy Thượng Đế, bẻ tôi cầu
xin Ngài điều tốt trong ngày hôm nay và điều tốt của
ngày tiếp theo, bẻ tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi

điều xấu trong ngày hôm nay và điều xấu của ngày tiếp theo. Lạy Thượng Đế, bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự lười biếng, sự già nua và điều xấu của tuổi già, và bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự trừng phạt của Hỏa Ngục và sự trừng phạt trong cõi mộ.)

«أمسينا وأمسى الملك لله»

Vào buổi chiều, nói: Âm sây na wa âm sal mul ku lil lah (Bây tôi đang ở buổi chiều và mọi quyền hành vào buổi chiều đều thuộc về Allah). (thay cho "As bah na wa as ba hal mul ku li lah") Và nói: Rab bi as a lu ka khoi ma fi ha zdi hil lây lah ... cho đến cuối, thay thế (As bah na wa as ba hal) và (ha zdal dâum).

«اللهم بك أصبحنا وبك أمسينا وبك نحيا وبك نموت وإليك النشور»

Oi lo hum ma bi ka as bah na wa bi ka âm sây na wa bi ka nah da wa bi ka na mu tu wa i lâ y kan nu sh.ũ.r (Lạy Allah, với Ngài bây tôi có được buổi sáng, với Ngài bây tôi có được buổi chiều, với Ngài bây tôi được sống, với Ngài bây tôi sẽ chết, và bây tôi sẽ được triệu tập trình diện Ngài.)

«اللهم بك أمسينا وبك أصبحنا وبك نموت وبك نحيا وإليك المصير»

Và buổi chiều nói: Oi lo hum ma bi ka âm sây na wa bi as bah na wa bi ka nah da wa bi ka na mu tu wa i lâ y kal ma s.ĩ.r. (Lạy Allah, với Ngài bây tôi có được buổi chiều, với Ngài bây tôi có được buổi sáng, với Ngài bây tôi được sống, với Ngài bây tôi sẽ chết, và với Ngài bây tôi sẽ quay trở về.)

«اللهم ما أصبح بي من نعمة أو بأحد من خلقك فمنك وحدك لا شريك لك

فلك الحمد ولك الشكر»

Oi lo hum ma ma as ba na bi min ni' ma tin âu bi a
ha đin min khol qi ka, fa min ka wah đa ka la sha ri ka
la ka, fa la kal ham đu wa la kash shuk ru. (Lạy Allah,
những gì bề tôi hoặc ai đó trong số tạo vật của Ngài
có được vào buổi sáng là đều từ nơi Ngài, duy nhất
một mình Ngài, không có đối tác cùng với Ngài, mọi
lời tán dương ca ngợi đều xứng đáng dành cho
Ngài.)

«ما أمسى بي»

Và buổi chiều nói: Ma âm sa bi (thay cho ma as ba
ha)

«اللهم إني أصبحت في نعمة وعافية وستر، فأتم نعمتك عليّ وعافيتك

وسترك في الدنيا والآخرة»

Oi lo hum ma in ni as bah tu fi ni' ma tin wa a fi da tin wa sit rin, fa a tim ma ni' ma ti ka a lâý da wa a fi da tu ka wa sat ru ka fiđ đun da wal a khi roh. (Lạy Allah, bề tôi buổi sáng ở trong ân sủng, sức khỏe và che đậy, vì vậy, xin Ngài hoàn thành ân sủng của Ngài cho bề tôi, hoàn thành sự bảo vệ của Ngài cho sức khỏe của bề tôi, và hoàn thành sự che đậy tội lỗi của Ngài cho bề tôi trong thế giới này và Đời Sau.)

(Ba lần)

«اللهم إني أمسيت...»

Và buổi chiều nói: Oi lo hum ma in ni âm sây tu ... cho đến hết.

«اللهم إني أعوذ بك من الهم والحزن، وأعوذ بك من العجز والكسل،
وأعوذ بك من الجبن والبخل، وأعوذ بك من غلبة الدين ومن قهر الرجال»

Oi lo hum ma in ni a u zdu bi ka mi nal hãm wal haz
ni, wa a u zdu bi ka min az ji wal kas li, wa a u zdu bi
ka mi nal jub ni wal bukh li, wa a u zdu bi ka min gho
la ba tiđ đây ni wa min qoh rir ri j.ã.l (Lạy Allah, bề tôi
cầu xin Ngài che chở tránh khỏi sự đau khổ và buồn
phiền, tránh khỏi sự bất lực và lừa dối, tránh khỏi
sự hèn nhát và keo kiệt, và bề tôi cầu xin Ngài che
chở khỏi nợ nần quá mức và khỏi sự cưỡng bức của
người khác.)

«اللهم إني أسألك العافية في الدنيا والآخرة، اللهم إني أسألك العفو
والعافية في ديني ودنياي وأهلي ومالي، اللهم استر عوراتي وآمن
روعاتي، اللهم احفظني من بين يديّ ومن خلفي وعن يميني وعن شمالي
ومن فوقي، وأعوذ بعظمتك أن أُغتال من تحتي»

Ol lo hum ma in ni as a lu kal a fi dah fiđ đun da wal
a khi roh. Ol lo hum ma in ni as a lu kal af wa wal a fi
dah fi đī ni wa đun da da wa ah li wa ma li. Ol lo hum
mas tur âu ro ti wa a min râu a ti. Ol lo hum mah fazh
ni min bây na da đây da wa min khol fi wa an da mi ni
wa an shi ma li wa min fâu qi, wa a u zdu bi azh ma ti
ka an ugh ta la min tah ti. (Lạy Allah, bẻ tôi cầu xin
Ngài sự bằng an ở đời này và Đời Sau. Lạy Allah bẻ
tôi xin Ngài sự tha thứ và xỉ xóa trong tôn giáo của bẻ
tôi, trong cuộc sống của bẻ tôi, gia đình và tài sản
của tôi. Lạy Allah, bẻ tôi xin Ngài che đậy tội lỗi và

những điều xấu hổ của bề tôi và xin Ngài làm cho bề tôi an nhiên trước những nỗi sợ của bề tôi. Lạy Allah xin Ngài bảo vệ tôi khỏi những gì ở phía trước bề tôi, sau lưng bề tôi, bên phải bề tôi, bên trái của bề tôi, và bên trên của bề tôi, và với sự vĩ đại của Ngài bề tôi xin Ngài che chở khỏi sự ám sát.)

«اللهم أنت ربي لا إله إلا أنت، خلقتني وأنا عبدك، وأنا على عهدك
ووعدك ما استطعت، أعوذ بك من شر ما صنعت، أبوء لك بنعمتك علي،
وأبوء بذنبي، فاغفر لي، فإنه لا يغفر الذنوب إلا أنت»

Oi lo hum ma an ta rab bi, la i la ha il la an ta, kho
laq ta ni wa a na ab đu ka wa a na a la ah đĩ ka wa
wa' đĩ ka mas ta to' tu. A u zdu bi ka min shar ri ma so
na' tu, a bu u la ka bi ni' ma ti ka a lâ y da, wa a bu u
bi zdam bi, fagh fir li, fa in na hu la dagh fi ruzd zdu
nu ba il la an ta. (Lạy Allah, Ngài là Thượng Đế của

bề tôi, không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Ngài đã tạo ra bề tôi còn bề tôi là kẻ tôi tớ của Ngài; bề tôi tuân theo giao ước của Ngài hết sức có thể. Bề tôi cầu xin Ngài che chở tránh xa những điều xấu mà bề tôi đã phạm phải. Bề tôi xin thừa nhận ân huệ mà Ngài đã ban cho bề tôi, và bề tôi xin thừa nhận tội lỗi của bề tôi. Xin Ngài hãy tha thứ cho bề tôi, bởi quả thật, không ai có quyền tha thứ ngoại trừ một mình Ngài.)

«اللهم فاطر السماوات والأرض، عالم الغيب والشهادة، ربَّ كل شيء ومليكه، أشهد أن لا إله إلا أنت، أعوذ بك من شر نفسي ومن شر الشيطان وشركه وأن أقترف على نفسي سوءاً أو أجره إلى مسلم»

Oi lo hum ma fa ti rus sa ma wa ti wal ard, a li mul
ghoi bi wash sha ha đah, rab bu kul li shây in wa ma li
kuh. Ash ha đư al la i la ha il la an ta. A u zdu bi ka

min shar ri naf si wa min shar rish shây ton wa shir ki hi, wa an aq ta ri fa a la nafi su an âu a jur ro hu i la mus lim. (Lạy Allah, Đấng Sáng Tạo trời và đất, Đấng biết những điều vô hình và hữu hình, Thượng Đế của vạn vật và toàn quyền nắm giữ và chi phối chúng. Bề tôi chúng nhận rằng không có Thượng Đế đích thực nào khác ngoài Ngài. Bề tôi xin Ngài che chở tránh khỏi điều xấu của bản thân và điều xấu của Shaytan và sự tổ hợp của hắn, và bề tôi cầu xin Ngài che chở khỏi việc tự đẩy mình vào điều xấu hoặc là nguyên nhân gây ra điều xấu cho người Muslim.)

«اللهم إني أصبحت أشهدك وأشهد حملة عرشك وملانكتك وأنبياءك

وجميع خلقك بأنك أنت الله لا إله إلا أنت وأن محمدًا عبدك ورسولك»

Oi lo hum ma in ni as ba tu ush hi đu ka wa ush hi
đu ha ma la ta ar shi ka wa ma la i ka ta wa am bi da i

ka, wa ja mi a khol qi ka, bi an na ka an tol loh, la i la il la an ta, wa an na mu ham ma đân ab đư ka wa ro su lu ka. (Lạy Allah, buổi sáng bề tôi xin chứng nhận với Ngài, với những Thiên Thần mang ngai vương của Ngài, với các Thiên Thần của Ngài, với các vị Nabi của Ngài và tất cả những gì Ngài tạo ra, rằng Ngài là Thượng Đế, không có Thượng Đế đích thực nào ngoài Ngài, và Muhammad là người bề tôi và Sứ Giả của Ngài.)

«اللهم إني أمسيت...»

Và bàu buổi chiều: Ol lo hum in ni âm sây tu ... cho đến hết (bốn lần).

«لا إله إلا الله وحده لا شريك له، له الملك وله الحمد، وهو على كل

شيء قدير»

La i la ha il lol loh, wah đ̣a hu la sha ri ka lah, la hul mul ku wa la hul ham đ̣u, wa hu wa a la kul li shâ in qo đ̣.ĩ.r (Không có Thượng Đế đích thực nào ngoài Allah, Ngài là đ̣ấng duy nhất, không có đối tác ngang vai, mọi vương quyền và mọi lời ca tụng tán dương đều là của Ngài, và Ngài toàn năng trên mọi thứ.)

(Một trăm lần) trong buổi sáng hoặc buổi chiều.

«حسبي الله لا إله إلا هو عليه توكلت وهو رب العرش العظيم»

Has bi yol loh, la i la ha il la hu, a lâ y hi ta wak kal tu, wa hu wa rab bul ar shil a zh.ĩ.m. (Một mình Allah đã đủ, không có Thượng Đế đích thực nào ngoài

Ngài, bề tôi phó thác cho Ngài, và Ngài là Thượng Đế của Ngài Vương Vĩ Đại.)

(Bảy lần)

«حسبي الله وكفى، سمع الله لمن دعا، ليس وراء الله مرمى»

Has bi dol lo hu wa ka fa, sa mi ol lo hu li man đa a, lây sa wa ro il la hi mar ma. (Allah là đã đủ, Allah nghe thấy ai cầu nguyện Ngài, và không có bất cứ mục tiêu nào đằng sau Ngài.)

«سبحان الله وبحمده»

Sub ha nol loh wa bi ham đi hi. (Vinh quang thay Allah, ca ngợi và tán dương Ngài).

(một trăm lần) vào buổi sáng hoặc buổi chiều, hoặc cả sáng chiều.

«أستغفر الله وأتوب إليه»

As tagh fi rul loh wa a tu bu i lâ y hi. (Bề tôi cầu xin Allah tha thứ và bề tôi sám hối với Ngài.)

(Một trăm lần).

Đây là một phần của những lời tụng niệm, cầu xin Allah toàn năng ban lợi ích từ nó.

Muhammad Saleh Al-'Uthaimĩn biên soạn
vào ngày 20/1/1418 Hijri.